

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2026/HS-ST
Ngày: 22-5-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thiện Tâm

Thẩm phán: Ông Nguyễn Phước Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Văn Cẩm

Ông Nguyễn Hoàng Huy

Bà Đặng Thị Cẩm Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ánh Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thanh Lam - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 48/2026/TLST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2026/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 5 năm 2026, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh ngày 16 tháng 4 năm 1998, tại thành phố Cần Thơ. Căn cước công dân số: 093098006862. Nơi thường trú: Ấp Đ, xã C, thành phố Cần Thơ; chỗ ở hiện nay: Tổ A, ấp T, xã C, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 1979; vợ Võ Ngọc H, sinh năm 1999; con 02 người con, sinh năm 2015 và sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 13/7/2025, đến ngày 22/7/2025 chuyển tạm giam cho đến nay tại Trại tạm giam số 01 – Công an tỉnh T, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Nguyễn Văn T: Luật sư Nguyễn Văn C1 – Thành viên Đoàn luật sư tỉnh T, có mặt.

- Người bị hại: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1982 (Đã chết).

Người đại diện hợp pháp cho người bị hại bà Nguyễn Thị Đ:

1. Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1943. Địa chỉ: Ấp X, xã H, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

2. Ông Võ Văn Q, sinh năm 2005.

3. Bà Võ Ngọc H, sinh năm 1999. Cùng địa chỉ: Ấp T, xã C, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Võ Văn Q: Bà Võ Ngọc H, có mặt.

- Người làm chứng:

1. Bà Phạm Minh H1, sinh năm 1996. Địa chỉ: Ấp R, xã B, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1994. Địa chỉ: Ấp X, xã B, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Văn T với bà Võ Ngọc H là vợ chồng, cùng sinh sống tại nhà của bị hại bà Nguyễn Thị Đ (mẹ ruột của bà H) tại ấp T, xã C, tỉnh Tây Ninh.

Khoảng 06 giờ ngày 13/7/2025, bị cáo T nhìn thấy bà H nằm trên võng trước nhà, có biểu hiện mệt mỏi, bị cáo T đề nghị chở bà H đi khám bệnh, nhưng bà H không đồng ý. Bị cáo T điện thoại cho người quen làm chung Công ty với bà H, nhằm hỏi thăm và biết được vào khoảng 03 giờ ngày 12/7/2025 bà H đã xin Công ty nghỉ làm một ngày do bị bệnh. Bị cáo T nhớ lại, khoảng 10 giờ ngày 12/7/2025 bà H mới về đến nhà. Bị cáo T nghi ngờ, nên gặng hỏi nhiều lần, nhưng H không trả lời.

Bị cáo T ghen tuông, bực tức nên dùng tay phải đánh vào mặt bà H 02 cái, bà H bỏ đi vào phòng ngủ của bị hại Đ và nói cho bị hại Đ biết việc bị T đánh. Lúc này, bị hại Được bệnh vực bà H, bị hại chửi, đuổi bị cáo T và lấy điện thoại di động bị cáo T đang cầm trên tay ném xuống nền đất. Bị cáo T bực tức, đi đến kệ để dụng cụ làm bếp (vị trí đối diện cửa phòng bị hại Được) nhặt lấy 01 cây kéo bằng kim loại (đặc điểm: Dài 21cm, tay cầm kéo bọc nhựa màu đen dài 9,5 cm, 01 lưỡi dài 11,5cm, 01 lưỡi dài 10cm phần đầu nhọn lưỡi kéo bị gãy, mỗi lưỡi có 01 cạnh sắc, nơi rộng nhất mỗi lưỡi 2,7cm) cầm trên tay phải giơ lên đến ngang vai, đứng trước cửa phòng bị hại Đ nói lớn “Bây giờ mấy người tính với tôi sao thì nói đi, tôi biết đường tôi tính”. Khi bị hại Được nghe bị cáo T nói như vậy, bị hại từ trong phòng đi ra, đứng đối diện và cách bị cáo T khoảng 0,5m, tiếp tục chửi và dùng 02 tay đẩy vào ngực bị cáo T. Bị cáo T cầm kéo bằng 02 tay đâm 01 nhát theo hướng từ phải qua trái trúng vào vùng ngực trái dưới nách của bị hại Được, rồi tiếp tục lần lượt cầm kéo bằng tay phải và trái tiếp tục đâm nhiều nhát, trúng vào vùng ngực, 02 bên cánh tay và dưới hông của bị hại Được. Bị hại Đ dùng tay đẩy bị cáo T ra, truy hô “Nó đâm mẹ rồi H ơi” và té ngã xuống nền đất trong tư thế nằm ngửa. Bị cáo T khom người cúi xuống, tiếp tục

cầm kéo bằng tay phải đâm 01 nhát theo hướng từ trên xuống trúng vào vùng ngực phải bị hại Được rồi rút kéo lên, nhìn thấy bà Đ đã tử vong, máu chảy nhiều nên bị cáo T vứt cây kéo xuống nền đất rồi bỏ đi.

Bị cáo T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Vision, màu trắng, biển số 70D1-593.30 của bị hại Được đi đến phòng trọ của bà Phạm Minh H1 và ông Nguyễn Văn K tại ấp R, xã B, tỉnh Tây Ninh nhưng không gặp ai. Bị cáo T bẻ biển số 70D1-593.30 xe mô tô bỏ lại trong phòng trọ của ông K, rồi điều khiển xe đi tìm bà Minh H1 và ông K. Đến khoảng 07 giờ cùng ngày, bị cáo T điều khiển xe quay lại phòng trọ gặp bà Minh H1, bị cáo T mượn điện thoại của bà Minh H1 điện cho ông K nhờ ông K rước bị cáo T đến chỗ làm của ông K bên Vương quốc Campuchia được ông K đồng ý và hẹn gặp tại Ngã tư L thuộc xã L, tỉnh Tây Ninh. Bị cáo T nhờ bà Minh H1 đi theo để lấy xe mô tô V đem về phòng trọ bà Minh H1 cất giữ giùm. Do bị cáo T không có mang theo hộ chiếu và căn cước công dân nên không làm thủ tục xuất cảnh sang Vương quốc Campuchia được, nên ông K điều khiển xe chở bị cáo T về phòng trọ ông K nghỉ ngơi. Trên đường đi, bị cáo T kể lại sự việc giết chết bị hại Được cho ông K nghe.

Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, ông K điều khiển xe chở bị cáo T đến Đồn biên phòng M, thuộc xã M, tỉnh Tây Ninh trình báo sự việc.

Tại Kết luận giám định tử thi số 1157/KLGĐTT-KTHS ngày 05/11/2025 của Phòng K1 Công an tỉnh T đối với Nguyễn Thị Đ đã kết luận như sau:

1. Các kết quả chính:

- Chảy máu mũi, miệng.
- Hai vết rách da vùng cổ trước bên trái hình khe, tạo thành hình chữ "V", kích thước (01 x 0,3)cm, bờ mép tương đối sắc gọn, xuyên vào trung thất mạch chủ trên, kích thước (1,2 x 0,6)cm, chiều hướng từ trên xuống dưới chệch ra sau sang phải.
- Vết rách da ngực phải hình quả trám, kích thước (1,5 x 0,9)cm, bờ mép tương đối sắc gọn, làm đứt xương ức khoang liên sườn 5-6, kích thước (1,5 x 0,4) cm, đi vào khoang ngực phải làm rách thùy giữa phổi phải, kích thước (02 x 01)cm, làm rách màng ngoài tim phải, kích thước 1,6 x 0,5)cm, khoang màng ngoài tim chứa khoảng 50ml máu không đông, làm rách tâm nhĩ phải, kích thước (01 cm x 0,4)cm, chiều hướng từ phải sang trái chệch lên trên.
- Vết rách da đường nách trước trái hình quả trám, kích thước (2,5 x 0,9)cm, bờ mép tương đối sắc gọn, làm đứt cơ liên sườn, xương sườn số 3, kích thước (2,2 x 0,9)cm, làm rách thùy trên phổi trái, kích thước (02 x 0,8)cm, chiều hướng từ dưới lên trên chệch sang phải.
- Vết rách da phía dưới đầu trong xương đòn phải hình khe, kích thước (1,2 x 0,3)cm, làm đứt xương sườn số 1, kích thước (01 x 0,3)cm, không vào khoang ngực. - Khoang màng phổi phải chứa khoảng 500ml máu không đông.

- Kết luận giám định mô bệnh học kết luận: Não sung huyết, cơ tim thất trái không dập rách, thủng rách phổi kèm xẹp phổi, tràn máu phế quản.

- Vết rách da mạn sườn trái đường rạch trước không rõ hình, kích thước (0,4 x 0,4)cm.

- Vết sây sát rách da vùng bụng không rõ hình, kích thước (0,4 x 0,2) cm.

- Vết rách da trên mào chậu trái không rõ hình, kích thước (0,8 x 0,4)cm.

- Hai vết sây sát rách da song song thắt lưng phải không rõ hình, kích thước trung bình (1,8 x 0,5)cm, cách nhau 0,2cm.

- Bốn vết sây sát rách da vùng lưng trái không rõ hình, kích thước trung bình (0,3 x 0,3)cm.

- Năm vết rách da mặt ngoài cánh tay trái không rõ hình, kích thước (02 x 0,8)cm, (1,3 x 0,6)cm, (01 x 0,6)cm, (01 x 0,5)cm, (0,6 x 0,3)cm.

- Vết rách da ngoài xương bả vai trái, kích thước (02 x 0,3)cm.

- Vết rách da mu bàn tay trái không rõ hình, kích thước (01cm x 0,5)cm.

- Vết rách da 1/3 giữa mặt sau ngoài đùi trái hình khe, kích thước (02 x 0,8)cm, chiều hướng từ sau ra trước chệch lên trên sang trái.

- Chi trên, chi dưới không có dấu hiệu gãy xương.

1.2. Khám trong:

- Mỡ da đầu và xương hộp sọ:

+ Không tụ máu dưới da, cơ vùng đầu.

+ Xương hộp sọ bình thường.

+ Não sung huyết.

+ Nền sọ bình thường.

- Mở da, cơ vùng cổ ngực, bụng;

+ Tụ máu dưới da, cơ nơi có vết thương xuyên qua.

+ Vết rách da dưới xương đòn phải làm đứt xương sườn số 1, kích thước (01 x 0,3)cm, không vào khoang ngực.

+ Hai vết rách da vùng cổ trước trái hình chữ “V” xuyên vào trung thất làm rách tĩnh mạch chủ trên, kích thước (1,2 x 0,6)cm, chiều hướng từ trái sang phải chệch xuống dưới.

+ Vết rách da vùng ngực phải làm đứt xương ức khoang liên sườn 5-6, kích thước (1,5 x 0,4)cm, đi vào khoang ngực phải làm rách thùy giữa phổi phải, kích thước (02 x 01)cm, làm rách màng ngoài tim phải, kích thước (1,6 x 0,5cm), khoang màng ngoài tim chứa khoảng 50ml máu không đông, làm rách tâm nhĩ phải, kích thước (01 x 0,4)cm.

+ Vết rách da đường nách trước trái làm đứt cơ liên sườn, xương sườn số 3, kích thước (2,2 x 0,9)cm, làm rách thùy trên phổi trái, kích thước (02 x 0,8) cm.

+ Khoang màng phổi phải chứa khoảng 500ml máu không đông.

2. Kết luận:

- Kết luận nguyên nhân chết: Sốc mất máu cấp do đa vết thương vùng cổ, ngực làm rách tĩnh mạch chủ trên, rách phổi, rách tâm nhĩ phải do vật sắc nhọn gây ra.

- Kết luận khác (nếu có): Không.

Tại Kết luận giám định số 2949/KL-KTHS ngày 27/12/2025 của Phòng K1 Công an tỉnh T kết luận: Mẫu vật gửi giám định ký hiệu A (01 cây kéo bằng kim loại có tay cầm và phần lưỡi bắt chéo nhau có ốc cố định giữa 02 thân tạo thành 02 lưỡi kéo có tổng chiều dài 21cm, tay cầm kéo bọc nhựa màu đen dài 9.5cm, 02 lưỡi kéo bằng kim loại đã gỉ sét, 01 lưỡi dài 11,5cm, 01 lưỡi dài 10cm phần đầu nhọn lưỡi kéo bị gãy, mỗi lưỡi có 01 cạnh sắc, nơi rộng nhất mỗi lưỡi (2,7cm) không thuộc danh mục theo Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ C2.

Tại Kết luận giám định số 1254/KL-KTHS ngày 06/8/2026 của Phòng K1 Công an tỉnh T kết luận:

- Chết màu nâu đỏ đã khô dính trên áo thun màu xanh thu của Nguyễn Văn T, sinh năm 1998, ngụ ấp Đ, xã C, thành phố Cần Thơ gửi giám định là máu người, thuộc nhóm máu O, cùng nhóm máu với máu của Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1982, ngụ tổ A, ấp T, xã C, tỉnh Tây Ninh và Nguyễn Văn T, sinh năm 1998, ngụ ấp Đ, xã C, thành phố Cần Thơ.

- Trên quần SHORT nam giới bằng vải thun, màu đen thu của Nguyễn Văn T, sinh năm 1998, ngụ ấp Đ, xã C, thành phố Cần Thơ gửi giám định không dính máu người.

- Vết màu nâu đỏ dính trên 05 miếng gạc y tế ghi thu tại vị trí số 2, số E, số G, số 8, số 9 là máu người, thuộc nhóm máu O, cùng nhóm máu với máu của Nguyễn Thị Đ và Nguyễn Văn T.

- Vết màu nâu đỏ dính trên 01 miếng gạc y tế ghi thu tại vị trí số 10 là máu người, không xác định được nhóm máu vì dấu vết ít.

- Trên kéo ghi thu tại vị trí số 03 gửi giám định có dính máu người thuộc nhóm máu O, cùng nhóm máu với máu của Nguyễn Thị Đ và Nguyễn Văn T.

- Vết màu nâu đỏ bám dính trên miếng gạc y tế ghi thu tại vị trí ốp nhựa phía trên công tắc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại VISION (không biển số) gửi giám định là máu người, không xác định được nhóm máu vì dấu vết ít. - Vết màu nâu đỏ bám dính trên miếng gạc y tế ghi thu tại vị trí ốp nhựa đèn tín hiệu phía sau bên trái xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại VISION (không biển số) gửi giám định là máu người, không xác định được nhóm máu vì dấu vết ít.

Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm: 01 cây kéo bằng kim loại (Đặc điểm: có tay cầm và phần lưỡi bắt chéo nhau có ốc cố định giữa 02 thân tạo thành 02 lưỡi kéo có tổng chiều dài 21cm, tay cầm kéo bọc nhựa màu đen dài 9,5cm, 01 lưỡi dài 11,5cm, 01 lưỡi dài 10cm phần đầu nhọn lưỡi kéo bị gãy, mỗi lưỡi có 01 cạnh sắc, nơi rộng nhất mỗi lưỡi 2,7cm); 01 bao thuốc lá hiệu Jet, đã qua sử dụng, bên trong có 07 điếu thuốc lá; 01 bật lửa màu vàng; 01 áo hai dây, hoa văn bông màu hồng; 01 quần lót màu trắng; 01 áo thun ngắn tay màu xanh, cổ tròn, phía trước bên trái có chữ “SPORTS” màu vàng, phía trước có dính chất màu nâu đỏ đã khô và 01 quần short nam giới bằng vải thun màu đen, mặt trước ống quần bên trái có chữ “PRADA” màu xám.

Tại Bản Cáo trạng số 40/CT-VKSTN-P2 ngày 29/4/2026 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh, đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Giết người” theo quy định tại các điểm đ và n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận hành vi phạm tội như nội dung của Cáo trạng truy tố. Bị cáo xác định: Nguyên nhân dẫn đến cái chết của bà Nguyễn Thị Đ xảy ra ngày 13/7/2025 là do bị cáo gây ra; Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo phạm tội như trên là đúng người, đúng tội, không oan cho bị cáo. Quá trình điều tra vụ án, bị cáo tự khai ra hành vi phạm tội, không bị ai ép cung hay buộc phải khai nhận hành vi phạm tội; bị cáo không có khiếu nại gì về các quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi tố tụng của người tiến hành tố tụng đối với bị cáo trong hoạt động điều tra và truy tố đối với bị cáo. Về vật chứng Cơ quan điều tra thu giữ trong vụ án thuộc sở hữu của bị cáo không yêu cầu nhận lại.

- Đại diện người bị hại bà Võ Ngọc H trình bày: Bà H là con ruột của bị hại Nguyễn Thị Đ và là vợ của bị cáo T. Về trách nhiệm dân sự, bà H cũng như ông Q do bà H đại diện không yêu cầu bị cáo T bồi thường. Về trách nhiệm hình sự, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Đại diện người bị hại bà Nguyễn Thị L1 trình bày: Bà L1 là mẹ ruột của bị hại Nguyễn Thị Đ. Về trách nhiệm dân sự, bà L1 chỉ yêu cầu bị cáo T bồi thường tiền tổn thất về tinh thần theo quy định của pháp luật cho bà L1. Về trách nhiệm hình sự, đề nghị xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật.

- Bị cáo T đồng ý bồi thường tiền tổn thất về tinh thần cho bà L1 theo quy định của pháp luật.

Phản tranh luận:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa, phát biểu luận tội về hành vi phạm tội của bị cáo và giữ nguyên quan điểm truy tố của Cáo trạng.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về tội danh:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Giết người”;

2. Về hình phạt:

Áp dụng: Các điểm đ và n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50 và Điều 39 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T tù chung thân.

3. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị cáo T có trách nhiệm bồi thường tiền tổn thất về tinh thần cho bà L1.

4. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy các vật chứng thu giữ trong vụ án.

5. Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T trình bày: Thống nhất về tội danh đối với bị cáo như trạng của Viện kiểm sát đã truy tố và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo tại phiên tòa. Tuy nhiên, về nội dung vụ án Luật sư cho rằng có một phần lỗi của người bị hại, nên Viện kiểm sát truy tố bị cáo với tình tiết định khung quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự là không phù hợp. Ngoài ra, sự còn phân tích thêm về nguyên nhân, điều kiện dẫn đến bị cáo phạm tội; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận xem xét thêm tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm e khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

- Bị cáo và đại diện người bị hại không tranh luận.

- Đối đáp của đại diện Viện kiểm sát: Chỉ vì một mâu thuẫn nhỏ, đó là bị hại la rầy bị cáo, nhưng bị cáo sẵn sàng dùng vũ lực để giải quyết mâu thuẫn với bị hại, dẫn đến tước đoạt mạng sống của bị hại. Do đó, Viện kiểm sát truy tố bị cáo phạm tội có tính chất côn đồ quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Căn cứ vào hướng dẫn tại Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐTP ngày 30/9/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, bị cáo không đủ điều kiện để được xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm e khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị xét xử đối với bị cáo.

Lời nói sau cùng: Bị cáo trình bày xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa: Bị

cáo và đại diện người bị hại không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt người làm chứng: Xét những người này đã có đầy đủ lời khai, quá trình điều tra phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, việc vắng mặt này không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Xét, lời khai nhận của bị cáo Nguyễn Văn T tại phiên tòa phù hợp với: Lời khai của bị cáo tại Cơ quan Cảnh sát điều tra; lời khai của đại diện người bị hại; người làm chứng; Biên bản khám nghiệm hiện trường vụ án; Biên bản thu giữ vật chứng; các Kết luận giám định và cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Với các tình tiết của vụ án đã được chứng minh tại phiên tòa, xét có đủ cơ sở kết luận rằng: Bị cáo Nguyễn Văn T là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Giữa bị cáo với bị hại Nguyễn Thị Đ có mối quan hệ mẹ vợ, con rể và không có mâu thuẫn gì với nhau. Khoảng 06 giờ ngày 13/7/2025, tại nhà của bị hại thuộc ấp T, xã C, tỉnh Tây Ninh, chỉ vì không hài lòng với thái độ cùng hành động của bị hại đối với bị cáo khi bị hại bệnh vực bà Võ Ngọc H là con ruột của bị hại. Bị cáo đã dùng 01 cây kéo bằng kim loại, là loại hung khí nguy hiểm đâm nhiều nhát vào vùng ngực, bụng, cổ, hạ sườn, nách, hông... của người bị hại cho đến khi bị hại không còn phản ứng mới ngừng lại. Hậu quả, bị hại Nguyễn Thị Đ tử vong do bị sốc mất máu cấp. Do đó, với hành vi như trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Giết người”, với tình tiết định khung hình phạt “có tính chất côn đồ”. Ngoài tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123, bị cáo không có tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự, đó là “Giết ông, bà, cha, mẹ, người nuôi dưỡng, thầy giáo, cô giáo của mình” như Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là không chính xác. Tội phạm và hình phạt được quy định như sau:

“Điều 123. Tội giết người.

1. Người nào giết người thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình:

...

n) Có tính chất côn đồ;

...”

Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đã truy tố bị cáo phạm tội như trên là có căn cứ chấp nhận một phần, đúng người, đúng tội, không oan cho bị cáo.

[4] Tội phạm do bị cáo gây ra là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ; gây mất

mát, đau thương cho gia đình người bị hại và không thể có gì bù đắp lại được. Ngoài ra, còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương.

Căn cứ vào tính chất, mức độ hậu quả của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải có một hình phạt tương xứng đối với bị cáo, nhằm đạt mục đích răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, cũng cần phải xem xét đến các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

[5.1] Về tình tiết tăng nặng: Qua xem xét, bị cáo không có tình tiết tăng nặng được quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; bị cáo có nhân thân tốt, lần phạm tội này là lần đầu, có con còn nhỏ tuổi; sau thời gian bỏ trốn, bị cáo đến cơ quan Nhà nước đầu thú; đại diện của người bị hại xin bãi nại và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về quyết định hình phạt đối với bị cáo:

Xuất phát từ một mâu thuẫn nhỏ, mà bị cáo đã giết chết người bị hại chính là mẹ vợ của bị cáo, hành vi này không thể chấp nhận được. Với tính chất, mức độ của hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là đặc biệt nghiêm trọng, so với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như xem xét tại mục [5.2] đối với bị cáo, là không có đủ căn cứ để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Lẽ ra, phải áp dụng một hình phạt nghiêm khắc nhất nhất đối với bị cáo là tử hình. Tuy nhiên, xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo chỉ mang tính bộc phát, nhất thời, nên xem xét khoan hồng cho bị cáo và áp dụng hình phạt nhẹ hơn là tù chung thân như đại diện Viện kiểm kiểm sát đề nghị là có căn cứ. Hình phạt này, cũng có tác dụng trừng trị riêng đối với bị cáo, mà còn có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội.

[7] Về hành vi khác của bị cáo và của người liên quan khác:

[7.1] Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo T điều khiển xe mô tô biển số 70D1-593.30 do bị hại Nguyễn Thị Đ đứng tên Giấy chứng nhận đăng ký rồi khỏi hiện trường và gửi lại xe cho bà Phạm Minh H1 cất giữ, để nhằm bỏ trốn. Xét đây là phương tiện sử dụng chung trong gia đình, bị cáo T đã được giao xe này cho sử dụng, nên hành vi này của bị cáo không cấu thành tội “Cướp tài sản”. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là có căn cứ, nên không xét đến.

[7.2] Đối với bà Phạm Minh H1: Là người điều khiển xe mô tô biển số 70D1-593.30 chở bị cáo T đi đến ngã tư L và sau đó cất giữ xe do bị cáo gửi lại. Xét thấy, bà Minh H1 không biết trước đó bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội và đang bỏ trốn, nhưng khi biết được sự việc phạm tội của bị cáo, bà Minh H1 đã giao nộp xe mô tô biển số 70D1-593.30 cho cơ quan Công an, nên hành vi

của bà H1 không cấu thành tội “Che giấu tội phạm”. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự đối với bà H1 là có căn cứ, nên không xét đến.

[7.3] Đối với ông Nguyễn Văn K: Là người điều khiển xe mô tô chở bị cáo đi từ ngã tư L về phòng trọ của ông K, nhưng ông K không biết trước đó bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội và đang bỏ trốn. Nhưng khi biết được sự việc phạm tội của bị cáo, ông K đã điều khiển xe chở bị cáo đến Đồn Biên phòng M để đầu thú, nên hành vi của ông K không cấu thành tội “Che giấu tội phạm”. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự đối với ông K là có căn cứ, nên không xét đến.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 584, 585, 586 và 591 Bộ luật Dân sự, xét:

- Bà H1 và ông Q do bà H1 đại diện là người đại diện hợp pháp cho người bị hại tự nguyện không yêu cầu bị cáo T bồi thường về trách nhiệm dân sự là hoàn toàn tự nguyện, nên ghi nhận và không xét đến.

- Đối với bà Nguyễn Thị L1 là mẹ ruột của người bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường về tổn thất về tinh thần là phù hợp với quy định của pháp luật, nên được xem xét. Cụ thể, bà L1 được bồi thường 1/3 của một trăm tháng lương cơ sở là 234.000.000 đồng, là 78.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường là hoàn toàn tự nguyện, nên ghi nhận.

[9] Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật Hình sự, xét:

- Đối với: 01 cây kéo bằng kim loại (Đặc điểm: có tay cầm và phần lưỡi bắt chéo nhau có ốc cố định giữa 02 thân tạo thành 02 lưỡi kéo có tổng chiều dài 21cm, tay cầm kéo bọc nhựa màu đen dài 9,5cm, 01 lưỡi dài 11,5cm, 01 lưỡi dài 10cm phần đầu nhọn lưỡi kéo bị gãy, mỗi lưỡi có 01 cạnh sắc, nơi rộng nhất mỗi lưỡi 2,7cm), là hung khí dùng vào việc phạm tội, không có giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với: 01 bao thuốc lá hiệu Jet, đã qua sử dụng, bên trong có 07 điếu thuốc lá; 01 bật lửa màu vàng; 01 áo hai dây, hoa văn bông màu hồng; 01 quần lót màu trắng; 01 áo thun ngắn tay màu xanh, cổ tròn, phía trước bên trái có chữ “SPORTS” màu vàng, phía trước có dính chất màu nâu đỏ đã khô và 01 quần short nam giới bằng vải thun màu đen, mặt trước ống quần bên trái có chữ “PRADA” màu xám. Tất cả không ai yêu cầu nhận lại và không có giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy.

[10] Về án phí: Căn cứ các Điều 135 và 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; các Điều 23 và 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 3.900.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước.

[11] Từ những căn cứ và nhận định trên: Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về giải quyết vụ án; cùng những ý kiến, quan điểm của người bào chữa cho bị cáo, có một phần phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử, nên được ghi nhận để xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Giết người”.

2. Về hình phạt:

Căn cứ: Điểm n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 39 và Điều 50 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T tù chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày 13/7/2025.

Căn cứ: Khoản 1 và khoản 3 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Văn T 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 22/5/2026 để đảm bảo thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 584, 585, 586 và 591 Bộ luật Dân sự.

Ghi nhận bị cáo Nguyễn Văn T có trách nhiệm bồi thường về tổn thất về tinh thần cho bà Nguyễn Thị L1 với số tiền là 78.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật Hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 cây kéo bằng kim loại (Đặc điểm: có tay cầm và phần lưỡi bắt chéo nhau có ốc cố định giữa 02 thân tạo thành 02 lưỡi kéo có tổng chiều dài 21cm, tay cầm kéo bọc nhựa màu đen dài 9,5cm, 01 lưỡi dài 11,5cm, 01 lưỡi dài 10cm phần đầu nhọn lưỡi kéo bị gãy, mỗi lưỡi có 01 cạnh sắc, nơi rộng nhất mỗi lưỡi 2,7cm); 01 bao thuốc lá hiệu Jet, đã qua sử dụng, bên trong có 07 điếu thuốc lá; 01 bát lửa màu vàng; 01 áo hai dây, hoa văn bông màu hồng; 01 quần lót màu trắng; 01 áo thun ngắn tay màu xanh, cổ tròn, phía trước bên trái có chữ “SPORTS” màu vàng, phía trước có dính chất màu nâu đỏ đã khô và 01 quần short nam giới bằng vải thun màu đen, mặt trước ống quần bên trái có chữ “PRADA” màu xám.

Vật chứng và tài sản trên được Thi hành án Dân sự tỉnh Tây Ninh đang quản lý theo định chuyển vật chứng số: 126/QĐ-VKSTN-P2 ngày 29-4-2026 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh; Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 15-5-2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Thi hành án Dân sự tỉnh

Tây Ninh.

5. Về án phí:

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 3.900.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo và đại người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; vắng mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết hợp lệ bản án.

7. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa Phúc thẩm TANDTC tại TPHCM;
- Viện Công tố & Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại TPHCM;
- VKSND tỉnh Tây Ninh (01);
- THADS tỉnh Tây Ninh (01);
- Công an tỉnh Tây Ninh (02);
- Bị cáo;
- Người TGTT;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thiện Tâm